

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 152/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị V, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Phúc Đ, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị V và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị V và anh Nguyễn Văn T.

2.2. Về con chung: Chị Ngô Thị V và anh Nguyễn Văn T công nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 17/8/2010 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 03/3/2015. Chị V và anh T tự nguyện thỏa thuận giao 2 con cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Chị Ngô Thị V và anh Nguyễn Văn T thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Ngô Thị V chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002121 ngày 08 tháng 6 năm 2020. Trả lại cho chị V 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện Nông Cống;
- VKSND huyện Nông Cống (02 bản để gửi VKSND tỉnh Thanh Hóa 01 bản);
- UBND. xã M, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Lê Xuân Tuyên